

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2019/DS - ST**
Ngày: 08 – 11 - 2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Chiến

2. Ông Lê Vĩnh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên VKSND huyện Cam Lộ.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST- DS ngày 18 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐDS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng X**; địa chỉ: phố LĐ, quận HM, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: bà Hoàng Thị Hoài P – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: đường Y, thị trấn CL, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, (Văn bản ủy quyền số 411/PGD-GUQ ngày 07 tháng 10 năm 2019), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Ngọc L**, địa chỉ: Thôn LL1, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng X trình bày:

Ngân hàng X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Lê Ngọc L đã ký kết các hợp đồng tín dụng với các chương trình cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số 6000003200033193 ngày 27/12/2012, diện cho vay

nước sạch vệ sinh môi trường với số tiền 8.000.000đồng, lãi suất cho vay: 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, thời hạn cho vay: 60 tháng từ ngày 27/12/2012 đến ngày 22/11/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lộc chỉ trả được lãi đến ngày 09/9/2016. Đến thời điểm hết hạn hợp đồng, ông Lê Ngọc L không trả được nợ nên đã xin gia hạn nợ từ ngày 22/11/2017, Ngân hàng đồng ý cho ông Lộc gia hạn nợ, (theo đơn xin gia hạn nợ là ngày 09/12/2017 đến ngày 09/12/2018) nhưng quá thời hạn gia hạn cho đến nay vẫn không trả được nợ theo hợp đồng.

Cho đến ngày 08/11/2019, ông Lê Ngọc L còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số 6000003200033193 tiền gốc: 8.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 10/9/2016 đến 09/12/2018: $8.000.000 \text{ đồng} \times 0,9\%/30 \times 820 \text{ ngày} = 1.968.000 \text{ đồng}$, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 10/12/2018 đến 08/11/2019 là: $8.000.000 \text{ đồng} \times 1,17\%/30 \times 333 \text{ ngày} = 1.038.960 \text{ đồng}$, tổng cộng: 11.006.960 đồng.

Ngân hàng X yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Ngọc L trả số tiền gốc và lãi của hợp đồng tổng cộng: 11.006.960 đồng và tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ sau ngày 08/11/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản vay.

Đối với Hợp đồng cho vay số 6000003200033192 ngày 22/3/2013, diện cho vay hộ nghèo với số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất cho vay: 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, thời hạn cho vay: 60 tháng từ ngày 22/3/2013 đến ngày 22/3/2018. Ngày 22/10/2019, Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng cho vay số 6000003200033192 ngày 22/3/2013, diện cho vay hộ nghèo với số tiền 30.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Ngọc L cả quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến vì không có mặt tại địa phương, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ về thẩm quyền thụ lý vụ án, tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Trong quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Việc chấp hành tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn không có mặt tại địa phương, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đến phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm của Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án:

+ Đối với Hợp đồng cho vay số 6000003200033192 ngày 22/3/2013 do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện hợp đồng này nên cần đình chỉ yêu cầu này.

+ Hợp đồng cho vay số 6000003200033193 ngày 27/12/2012: có căn cứ xác định hợp đồng này được ký kết trên cơ sở tự nguyện, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, thời hạn vay theo đúng quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng X. Cho đến ngày 08/11/2019, ông Lê Ngọc L còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số 6000003200033193 tiền gốc: 8.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 10/9/2016 đến 09/12/2018: 1.968.000 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 10/12/2018 đến 08/11/2019 là: 1.038.960 đồng, tổng cộng: 11.006.960 đồng. Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, buộc ông Lê Ngọc L trả cho Ngân hàng số tiền 11.006.960 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng X khởi kiện ông Lê Ngọc L yêu cầu trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”. Ông Lê Ngọc L không có mặt tại địa phương, có nơi đăng ký thường trú tại thôn LL1, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lê Ngọc L.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[3] Đối với Hợp đồng cho vay số 6000003200033192 ngày 22/3/2013, diện cho vay hộ nghèo với số tiền 30.000.000 đồng. Do nguyên đơn có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng này, xét thấy việc rút một phần yêu cầu kiện là tự nguyện, nên cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng cho vay số 6000003200033192.

[4] Đối với Hợp đồng cho vay số 6000003200033193 ngày 27/12/2012: Hợp đồng này được ký kết giữa Ngân hàng X và ông Lê Ngọc L trên cơ sở tự nguyện, thuộc chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường, lãi suất cho vay: 0,9%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, thời gian vay 60 tháng kể từ ngày 27/12/2012 đến 22/11/2017 là phù hợp với các quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định 78/2002/NĐ – CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, Hướng dẫn nghiệp vụ số 1411/NHCS – KHVN ngày

03/8/2004 của Ngân hàng X hướng dẫn nghiệp vụ cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Văn bản số 436/2008/TTg – KTTH về việc điều chỉnh lãi suất cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của Thủ tướng chính phủ và Quyết định số 62/2004/QĐ – TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; ông Lê Ngọc L đã nhận đủ tiền vay; như vậy có căn cứ khẳng định hợp đồng tín dụng là hợp pháp và có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Ngọc L chỉ trả được tiền lãi đến ngày 09/09/2016; đến hết thời hạn hợp đồng và thời hạn gia hạn hợp đồng ông Lộc vẫn không thanh toán được theo hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày 08/11/2019, ông Lê Ngọc L còn nợ tiền lãi trong hạn từ ngày 10/9/2016 đến 09/12/2018: 1.968.000 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 10/12/2018 đến 08/11/2019 là: 1.038.960 đồng, tổng cộng: 11.006.960 đồng. Như vậy, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Ngọc L phải trả số tiền gốc và tiền lãi còn nợ và tiếp tục trả số tiền lãi theo lãi suất quá hạn quy định trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 , bị đơn ông Lê Ngọc L phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể: 11.006.960 đồng x 5% = 550.348 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 227, khoản 2 Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định 78/2002/NĐ – CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, Quyết định số 62/2004/QĐ – TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, tuyên xử:

1.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X đối với ông Lê Ngọc L theo Hợp đồng cho vay số 6000003200033192 ngày 22/3/2013. Ngân hàng X có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

1.2. Buộc ông Lê Ngọc L phải trả cho Ngân hàng X số tiền 11.006.960 đồng (Mười một triệu không trăm không sáu nghìn chín trăm sáu mươi đồng) , trong đó tiền gốc: 8.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.968.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.038.960 đồng theo Hợp đồng cho vay số 6000003200033193 ngày 27/12/2012 được ký kết giữa Ngân hàng X và ông Lê Ngọc L.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (08/11/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, buộc ông Lê Ngọc L phải chịu 550.348 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Các đương sự;
- Dán án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý